TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2018
"*V/v Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân; Ông **Đỗ Minh Tuân** và bà **Vương Thị Thu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Duyên -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ:* Bà **Hoàng Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông **Vũ Hồng T** (tức Vũ Văn T) - Sinh năm 1960.
Địa chỉ: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng H** - Sinh năm 1962.
Địa chỉ: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp cho bà H: Anh **Vũ Hồng V** - Sinh năm 1986.
Địa chỉ: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Vũ Hồng T trình bày như sau:

- Ông và bà Nguyễn Thị Hồng H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/02/1985 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng với gia đình nhà ông, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm và cách sống, tính cách vợ

chồng không hợp nên cuộc sống chung không được hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng ông đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay không còn có trách nhiệm gì đối với nhau nữa. Ông xác định tình cảm của ông đối với bà H không còn nên yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng H

- Về con chung: Ông và bà H đã có với nhau 02 con chung là: Vũ Hồng V, sinh năm 1986 và Vũ Hồng H, sinh năm 1988. Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và đất nông nghiệp: Ông và bà H sẽ tự thỏa thuận với nhau nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình: Ông và bà H không vay nợ chung, không có công sức đóng góp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H và người đại diện là anh Vũ Hồng V trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Vũ Hồng T (tức Vũ Văn T) tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/02/1985 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống cơ bản là hòa thuận, cho đến vài năm trở lại đây thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác rồi ra ngoài ở, không còn sống chung nhà với bà và gia đình nữa. Vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều năm. Nay ông T xin ly hôn, tại phiên tòa, bà Hải và người đại diện là anh Vượng cũng xác định không thể tiếp tục hôn nhân với ông Thịnh được nữa và cũng đồng ý ly hôn với ông Vũ Hồng Thịnh.

- Về con chung: Bà và ông T đã có với nhau 02 con chung là Vũ Hồng V, sinh năm 1986 và Vũ Hồng H, sinh năm 1988. Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và đất nông nghiệp: Bà H với ông T sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi thụ lý vụ án, các đương sự đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu thể hiện bà H bị bệnh động kinh vẫn đang phải điều trị ngoại trú nên bà H có những khó khăn nhất định trong trong nhận thức, làm chủ hành vi của mình. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H vì vậy Tòa án chấp nhận việc anh Vũ Hồng V là con cả của ông T với bà H được làm người đại diện hợp pháp cho bà H trong quá trình tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã

giải thích và hướng dẫn cho đương sự và người đại diện về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nhưng tất cả đều từ chối, không yêu cầu mà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định, các đương sự và người đại diện cũng không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân giữa ông T và bà H: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người đại diện hợp pháp và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì ông T, bà H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có biểu hiện bệnh tâm thần hoặc vi phạm các điều cấp của pháp luật vì vậy có cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống đã phát sinh những bất đồng làm cho hôn nhân không có được hạnh phúc dẫn đến phải sống ly thân nhau nhiều năm nay. Xét mục đích của hôn nhân không đạt được, cả bên đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, của chồng trong hôn nhân. Tại phiên tòa, các đương sự đều có yêu cầu ly hôn vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Các bên đương sự và người đại diện hợp pháp đều xác nhận bà H và ông T đã có với nhau 02 con chung là: Vũ Hồng V, sinh năm 1986 và Vũ Hồng H, sinh năm 1988. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, các bên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, đất nông nghiệp: Bà H, anh V và ông T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình: Các đương sự và người đại diện xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Vũ Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 69, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử**: Cho ông **Vũ Hồng T** và bà **Nguyễn Thị Hồng H** được ly hôn.

- Về con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên

không giải quyết.

- Về tài sản chung, đất nông nghiệp các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Ông Vũ Hồng T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số: AA/2016/0001554 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự, người đại diện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn